

Bản án số: 70/2022/HSST
Ngày 20 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp

Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung, bà Bùi Thị Đào, ông Lê Bắc Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngân Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLST - HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án số 74/2022/HSST-QĐ ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/HSST-QĐ ngày 11/3/2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1976 tại thành phố CB, tỉnh CB; Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; tạm trú: Số nhà 16, ngách 8/76, phố DT, phường DVH, quận CG, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông ND và bà Bùi Thị T (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Khải H và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1995 (là bị cáo trong cùng vụ án), con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2021, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Ông Nguyễn Bá Linh là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Nguyễn Quốc V, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1995 tại huyện MC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; tạm trú: Số nhà 16, ngách 8/76, phố Duy Tân, phường DVH, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần quốc tế VIB Hà Nội; trình độ văn hóa: Đại học; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng, theo Quyết định số 16-QĐ/UBND THU ngày 05/5/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Mộc Châu, tỉnh Sơn La; con ông Nguyễn Khải H và bà Nguyễn Thị T (là bị cáo trong

cùng vụ án); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/5/2021, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc V: Bà Trần Bích L là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Niềm tin và công lý - Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.*

****Bị hại:***

1. Bà Mai Thị L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Nhật C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tiểu khu 19/8, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Đào Thị Thanh H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tiểu khu 19/8, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Đinh Công V, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Bà Hà Thị T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Bản Là Ngà 1, xã Mường Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm Gò Lao, xã Sơn T, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tiểu khu Tiền Tiến, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Chị Vũ Thị S, sinh năm 1990 Nơi cư trú: Tiểu khu Bản Ôn, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

9. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tiểu khu 84/85, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tiểu khu Khí tượng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

11. Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tiểu khu 66, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tiểu khu Khí tượng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Bản Lòng Hồ, xã Tà Lại, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

14. Anh Lưu Ngọc K, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tiểu khu Chè Đen, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

15. Ông Lò Văn Q, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tiểu khu Chờ Lòng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

16. Anh Mai Đức T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

17. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tiểu khu 34, xã Đông Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

18. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tiểu khu 11, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Chị Vì Thị H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản Búa, xã Đông Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Vì Văn T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Ông Hà Thế L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Khải H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Số nhà 16, ngách 8/76, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc V là nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC, tỉnh Sơn La. Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 01/12/2019, công việc được giao là trích đo địa chính thửa đất riêng lẻ cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện MC. Ngày 02/12/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC chấm dứt hợp đồng với Nguyễn Quốc V (vì không còn nhu cầu sử dụng lao động). Từ ngày 01/3/2020 đến 30/9/2020, Nguyễn Quốc V tiếp tục làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC, với nhiệm vụ là photocopy, tra cứu, tìm tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác cung cấp thông tin đối với các hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu, luân chuyển hồ sơ, công văn giữa Chi nhánh với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của Nguyễn Quốc V), do làm ăn thua lỗ, lâm vào tình trạng nợ tiền ngân hàng và các cá nhân trên địa bàn huyện MC, tỉnh Sơn La, không có khả năng thanh toán. Cuối năm 2018, T bàn với V, lợi dụng V đang là nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC để thông qua bạn bè và những mối quan hệ quen biết, dùng thông tin gian dối là V có khả năng làm thủ tục liên quan đến việc đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, từ đó nhận tiền của người có nhu cầu làm thủ tục đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc hỏi vay tiền của người khác rồi sử dụng số tiền đó trả nợ, chi tiêu. V đồng ý.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến tháng 9/2020, với phương thức và thủ đoạn nêu trên, 04 bị hại đã tin tưởng cho T, V vay tiền và 15 bị hại tin tưởng nhờ V làm thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Quá thời hạn hứa hẹn trả tiền vay và thời hạn hoàn tất thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, T, V không thực hiện được công việc đã hứa và cũng không có khả năng hoàn trả các khoản tiền đã nhận.

Tổng số tiền Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V chiếm đoạt của 19 bị hại là 1.579.100.000đ (một tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng). Cụ thể:

Vụ thứ 1: Chiếm đoạt của bà Mai Thị L, trú tại tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 48.000.000đ.

Gia đình bà Mai Thị L có 01 thửa đất tại tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI248937 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 17/8/2017. Cuối năm 2018, bà Lý nhờ Nguyễn Quốc V làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư, V đồng ý và yêu cầu bà Lý đưa 48.000.000đ cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất trên. Sau khi nhận giấy tờ, tiền, V hứa hẹn khoảng 02 đến 03 tháng sẽ làm xong. Sau đó, V không thực hiện việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bà Lý như đã thỏa thuận, cũng chưa trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiền cho bà Lý. Số tiền 48.000.000đ V đưa Nguyễn Thị T dùng trả nợ, chi tiêu cá nhân. Ngày 06/01/2021, bà Lý có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 2: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Nhật C, trú tại tiểu khu 19/8, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 13.000.000đ

Tháng 5/2018, anh Nguyễn Nhật C mua 01 mảnh đất của chị Nguyễn Thị Oanh tại tiểu khu Cơ quan, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Cuối tháng 8/2018, anh Cường liên lạc với V đặt vấn đề làm thủ tục sang tên đổi chủ mảnh đất trên từ chị Oanh sang anh Cường, V đồng ý và yêu cầu anh Cường đưa 13.000.000đ, hứa hẹn khoảng 02 đến 03 tháng sẽ xong việc.

Tháng 9/2018, V đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Oanh cùng các giấy tờ liên quan và số tiền 13.000.000đ với anh Cường. Sau đó, V không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận với anh Cường, số tiền 13.000.000đ V đã đưa Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu cá nhân. Ngày 27/02/2021, anh Nguyễn Nhật C có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 3: Chiếm đoạt của bà Đào Thị Thanh H, trú tại tiểu khu 19/8, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 315.000.000đ.

Gia đình bà Đào Thị Thanh H có 01 thửa đất diện tích 115m² tại Tiểu khu 32, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2018, bà Huyền liên hệ với V nhờ làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với mảnh đất trên, V đồng ý và yêu cầu bà Huyền đưa số tiền 315.000.000đ.

Ngày 18/01/2019, bà Huyền đưa V số tiền theo yêu cầu của V cùng một số giấy tờ liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền cùng giấy tờ, V không thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất như đã hứa và đưa 315.000.000đ cho Nguyễn Thị T dùng trả nợ, chi tiêu cá nhân. Ngày 06/5/2021, bà Huyền có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 4: Chiếm đoạt của ông Đinh Công V, trú tại tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 38.000.000đ.

Tháng 01/2019, ông Đinh Công V mua một thửa đất tại tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, sau đó nhờ V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. V đồng ý và yêu cầu ông Văn đưa số tiền 40.000.000đ là tiền công, chi phí để V làm nhanh, còn tiền thuế thì sau này gia đình tự đi nộp.

Sau khi nhận tiền, V không thực hiện việc làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Văn như đã hứa mà đưa số tiền 40.000.000đ cho Nguyễn Thị T để trả nợ, chi tiêu. Đầu năm 2021, ông Đinh Công V nhiều lần liên hệ với V đòi lại số tiền trên nhưng V đưa ra nhiều lý do để khất lần. Ngày 01/5/2021, Nguyễn Thị T đã chuyển 2.000.000 đồng từ số tài khoản của T vào tài khoản của ông Văn. Đến nay, số tiền 38.000.000đ, V chưa trả lại cho ông Văn. Ngày 15/5/2021, ông Văn có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 5: Chiếm đoạt của bà Hà Thị T, trú tại bản Là Ngà 1, xã Mường Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 23.100.000đ.

Tháng 02/2019, Nguyễn Quốc V được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC cử đến nhà bà Hà Thị T đo đạc đất (do trước đó, bà Thành nộp hồ sơ đề nghị làm thủ tục tách thửa đất của gia đình bà Thành ở bản Là Ngà 1, xã Mường Sang, huyện MC). Sau khi đo đạc xong, V nói với bà Thành là mình có thể làm thủ tục tách thửa đất nhanh hơn so với gia đình tự làm thủ tục với số tiền 23.100.000đ, bà Thành đồng ý.

Sau đó, V đã nhận từ bà Thành 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Thị T, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu cùng bản phô tô chứng minh nhân dân của các thành viên trong gia đình và 23.100.000đ, hẹn 05 tháng sau sẽ làm xong. Sau khi nhận tiền, V không làm thủ tục như đã hứa mà đưa số tiền 23.100.000đ cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Tháng 11/2020, V trả lại bà Thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một số giấy tờ đã nhận, nhưng không trả lại tiền. Ngày 14/5/2021, bà Thành có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 6: Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T, trú tại xóm Gò Lào, xã Sơn T, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình số tiền 30.000.000đ.

Nguyễn Thị T được mẹ đẻ là bà Vũ Thị Tám cho một thửa đất tại Tiểu khu 84/85 thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La nên có nhu cầu làm thủ tục tách thửa, chuyển quyền sử dụng đối với thửa đất đó. Được người quen giới thiệu, chị Thơm liên hệ với V, nhờ làm thủ tục tách thửa đất, V đồng ý và yêu cầu chị Thơm đưa 30.000.000đ là tiền nộp thuế, lệ phí và tiền công.

Ngày 05/10/2019, chị Thơm đưa cho V 30.000.000đ, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Thị Tám cùng một số giấy tờ liên quan, V hứa sau 02 tháng sẽ làm xong. Sau đó, V không thực hiện làm thủ tục tách thửa đất cho chị Thơm mà đưa toàn bộ số tiền 30.000.000đ cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Đến nay, Nguyễn Quốc V chưa trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 30.000.000đ cho Nguyễn Thị T. Ngày 15/01/2021, chị Nguyễn Thị T có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 7: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H, trú tại tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 40.000.000đ.

Năm 2018, ông Nguyễn Văn H mua 7m² đất của bà Nguyễn Thị H (ở cạnh nhà). Cùng thời điểm, bà Phạm Thị V (trú cùng tiểu khu) cũng mua 5m² đất của bà Nguyễn Thị H. Ngày 08/8/2019, ông Huỳnh đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC đề yêu cầu đo đạc đất, Nguyễn Quốc V được cử đến đo đất cho ông Huỳnh. Quá trình đo đất, V đặt vấn đề nhận làm thủ tục tách bìa cho cả phần đất của gia đình bà Hoàn cùng phần đất của ông Huỳnh, bà Vân với số tiền 40.000.000đ (trong đó: phần của bà Hoàn là 20.000.000đ, ông Huỳnh và bà Vân mỗi người 10.000.000đ), ông Huỳnh, bà Hoàn, bà Vân đồng ý (bà Hoàn, bà Vân ủy quyền cho ông Huỳnh thực hiện giao dịch với V).

Từ ngày 10/8/2019 đến ngày 22/8/2019, ông Huỳnh đến nhà V; đưa số tiền 40.000.000đ, V nhận tiền, đồng thời hứa hẹn 01 tháng sẽ làm xong. Sau đó, V không thực hiện việc làm thủ tục tách bìa đất mà đưa 40.000.000đ cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Ngày 08/5/2021, ông Nguyễn Văn H có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 8: Chiếm đoạt của chị Vũ Thị S, trú tại tiểu khu Bản Ôn, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 10.000.000đ.

Tháng 10/2019, sau khi mua được mảnh đất của ông Lò Văn Ủa tại Tiểu khu Bản Ôn, thị trấn NTMC, chị Vũ Thị S đã đặt vấn đề nhờ V làm thủ tục tách bìa đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Ủa cho vợ chồng chị Sen, đồng thời nhờ V chỉnh sửa thông tin số Chứng minh nhân dân trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trịnh Thị Duyên (mẹ chồng chị Sen) ở tiểu khu Bản Ôn, thị trấn NTMC. V đồng ý, yêu cầu chị Sen đưa cho V 20.000.000đ đối với việc làm thủ tục sang tên đổi chủ và 10.000.000đ đối với việc đính chính thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hẹn 01 tháng sau sẽ làm xong, chị Sen đồng ý.

Sau khi nhận tiền và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Ủa, Trịnh Thị Duyên cùng một số giấy tờ liên quan, V nộp hồ sơ mang tên ông Ủa vào bộ phận một cửa UBND huyện MC để làm thủ tục tách bìa đất, sau đó đã làm xong và trả hồ sơ cho chị Sen. Còn hồ sơ đính chính thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trịnh Thị Duyên, V không làm. Toàn bộ số tiền 30.000.000đ V đã đưa Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu, không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Sen. Ngày 15/10/2021, chị Vũ Thị S có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 9: Chiếm đoạt của bà Vũ Thị N, trú tại tiểu khu 84/85, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 19.500.000đ.

Tháng 11/2019, bà Vũ Thị N nhờ Nguyễn Quốc V làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất gia đình bà Nhung đang ở, V đồng ý và yêu cầu bà Nhung đưa số tiền 19.500.000đ là tiền nộp thuế, phí và tiền công.

Ngày 21/11/2019, bà Nhung đưa giấy tờ liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng đất, đồng thời chuyển số tiền 19.500.000đ từ tài khoản của bà Nhung đến tài khoản của Nguyễn Quốc V. Sau khi nhận tiền, giấy tờ của bà Nhung, V không thực hiện làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mà đưa số tiền trên cho Nguyễn Thị T sử dụng trả nợ, chi tiêu. Ngày 14/01/2021, bà Vũ Thị N có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 10: Chiếm đoạt của ông Phạm Văn T, trú tại tiểu khu Khí tượng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 200.000.000đ.

Gia đình ông Phạm Văn T có nhu cầu đăng ký quyền sử dụng đất đối với 01 thửa đất diện tích 300m² tại tiểu khu Bó Bun, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Khoảng tháng 10/2019, ông Tuy gặp Nguyễn Quốc V tại nhà người quen, V giới thiệu làm ở Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện MC, có thể làm các thủ tục về đất đai nên ông Tuy đã nhờ V làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, V đồng ý và yêu cầu ông Tuy đưa 200.000.000đ tiền thuế, lệ phí và tiền công.

Ngày 19/12/2019, ông Tuy đưa cho V 200.000.000đ cùng một số giấy tờ liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng đất, khi nhận tiền và giấy tờ, V hứa 01 tháng sẽ xong việc. Sau đó, V không thực hiện việc như đã hứa mà đưa toàn bộ số tiền 200.000.000đ cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Tháng 8/2020, ông Tuy nhiều lần gọi điện thúc giục thì V đưa ra nhiều lý do để giải thích cho việc chậm trễ, đồng thời báo Nguyễn Thị T dùng sim điện thoại rác gọi điện cho ông Tuy mạo danh người tên Phương làm ở bộ phận một cửa UBND huyện MC nói là đã nhận hồ sơ của ông Tuy, hứa hẹn sắp làm xong thủ tục để ông Tuy không thúc giục. Đến nay, V chưa trả tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tuy. Ngày 06/5/2021, ông Phạm Văn T có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 11: Chiếm đoạt của anh Hoàng Đình T, trú tại tiểu khu 66, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 30.000.000đ.

Tháng 11/2019, ông Hoàng Đình T mua một thửa đất tại tiểu khu 66, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La của bà Nguyễn Thị Thúy và có nhu cầu tách thửa đất đã mua, chuyển quyền sử dụng sang tên mình nên đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC đăng ký làm thủ tục. Nguyễn Quốc V được cử đến đo đất, V giới thiệu là mình nhận làm dịch vụ tách bìa đất, sẽ lo mọi thủ tục đến khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp của ông Trung thì số tiền để nộp thuế, lệ phí và dịch vụ là 30.000.000đ, ông Trung đồng ý.

Ngày 31/12/2019, ông Trung đưa V 20.000.000đ, đến tháng 3/2020, ông Trung tiếp tục đưa V 10.000.000đ cùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thúy. Sau khi nhận tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, V không làm thủ tục tách bìa đất mà đưa toàn bộ số tiền 30.000.000đ cho Nguyễn Thị T dùng vào việc trả nợ, chi tiêu. Đến nay, V chưa trả lại ông Trung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền đã nhận.

Vụ thứ 12: Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L, trú tại tiểu khu Khí tượng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 7.500.000đ.

Đầu năm 2020, bà Nguyễn Thị L nhờ Nguyễn Quốc V làm thủ tục tách 195m² đất bà Lũy được bố để là ông Nguyễn Chí Thành cho tại thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La, V đồng ý và đưa ra mức tiền là 12.000.000đ, hẹn trong 03 tháng sẽ làm xong.

Ngày 09/02/2020, V nhận 12.000.000đ cùng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Chí Thành và một số giấy tờ liên quan từ bà Lũy. Sau đó, V không thực hiện việc làm thủ tục tách bìa đất mà đưa số tiền 12.000.000đ cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Quá thời hạn, bà Lũy gọi điện thoại nhiều lần nhưng

V đưa ra nhiều lý do để khất lần. Tháng 10/2020, V nghỉ việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC, chuyển về Hà Nội sinh sống, V đưa hồ sơ của bà Lữ cho ông Vì Văn Thọ, trú tại tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn NTMC, huyện MC (là người làm dịch vụ môi giới nhà đất) nhờ ông Thọ làm thủ tục tách bìa đất cho bà Lữ nhưng không đưa tiền nên ông Thọ không thực hiện. Sau đó, bà Lữ đã lấy lại hồ sơ trên từ ông Thọ. Ngày 10/4/2021, V trả bà Lữ 4.500.000đ, số tiền 7.500.000đ còn lại đến nay V chưa trả. Ngày 09/5/2021, bà Nguyễn Thị L có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 13: Chiếm đoạt của ông Đinh Văn H, trú tại bản Lòng Hồ, xã Tà Lại, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 25.000.000đ.

Tháng 5/2020, ông Đinh Văn H mua của ông Hoàng Thế Ngọc một thửa đất tại bản Lòng Hồ, xã Tà Lại, huyện MC, tỉnh Sơn La. Sau đó, ông Hân nhờ V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ ông Ngọc sang ông Hân, V đồng ý và yêu cầu ông Hân đưa 20.000.000đ để nộp thuế, lệ phí và tiền dịch vụ.

Ngày 22/5/2020, ông Hân đưa cho V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thế Ngọc cùng các giấy tờ liên quan và số tiền 20.000.000đ, V tiếp tục yêu cầu ông Hân đưa thêm 5.000.000đ với lý do hồ sơ phức tạp nên gặp khó khăn, ông Hân đồng ý và đưa tiền cho V. Sau khi nhận hồ sơ, tiền từ ông Hân, V không thực hiện việc làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất mà đưa toàn bộ số tiền trên cho Nguyễn Thị T để trả nợ và chi tiêu. Tháng 10/2020, V chuyển về Hà Nội sinh sống và đưa hồ sơ của ông Đinh Văn H cho ông Vì Văn Thọ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Hân nhưng không đưa tiền nên ông Thọ không thực hiện, ông Hân đã liên hệ với ông Thọ lấy lại hồ sơ. Ngày 09/5/2021, ông Đinh Văn H có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 14: Chiếm đoạt của anh Lưu Ngọc K, trú tại tiểu khu Chè Đen, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 28.000.000đ.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên tháng 4/2020, Nguyễn Quốc V gặp Lưu Ngọc K nói là đang cần tiền để nộp thuế làm thủ tục tách bìa đất cho khách và vay của Khánh 30.000.000đ. Tháng 5/2020, Khánh giới thiệu anh họ mình là Lưu Xuân Cường nhờ V làm thủ tục tách bìa đất đổi với mảnh đất của Cường tại tiểu khu 32 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, V đồng ý, yêu cầu Cường đưa 30.000.000đ để làm thủ tục.

Ngày 08/7/2020, Cường đưa cho V một số giấy tờ liên quan đến việc tách bìa đất và 30.000.000đ, khi V viết giấy biên nhận tiền của anh Cường thì Khánh yêu cầu V viết thêm 30.000.000đ tiền V vay trước đó của Khánh vào cùng tờ giấy biên nhận, hẹn đến khi làm xong thủ tục tách bìa đất cho Cường, V sẽ trả tiền cho Khánh, số tiền nhận được của Khánh và Cường, V đưa hết cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Sau đó, V không tự làm thủ tục tách bìa đất cho Cường mà chuyển giấy tờ nhận của Cường cho Vì Văn Thọ nhờ làm giúp nhưng không đưa tiền cho Thọ. Sau một thời gian không thấy V làm thủ tục tách bìa đất cho mình, Cường liên lạc với V đòi tiền thì V trả lại Cường đủ số tiền 30.000.000đ đã nhận, thủ tục tách bìa đất của Cường sau đó cũng được Vì Văn Thọ làm giúp xong và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền vay Lưu Ngọc K, tháng 12/2020 V trả 2.000.000đ, còn lại 28.000.000đ đến nay chưa trả. Ngày 27/02/2021, anh Lưu Ngọc K có đơn trình báo tại Công an huyện Mộc Châu.

Vụ thứ 15: Chiếm đoạt của ông Lò Văn Q, trú tại tiểu khu Chờ Lồng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 8.000.000đ.

Tháng 6/2020, ông Lò Văn Q nhờ Nguyễn Quốc V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đổi với thửa đất do bố để cho tại tiểu khu Chờ Lồng, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La, ông Quỳnh đưa V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng số tiền 8.000.000đ theo yêu cầu của V. Sau đó, V không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Quỳnh mà đưa hết số tiền trên cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Sau khi chuyển đến Hà Nội sinh sống V chuyển lại hồ sơ của ông Quỳnh cho ông Vì Văn Thọ nhờ làm cho ông Quỳnh nhưng không đưa tiền đã nên ông Thọ không thực hiện. Khi biết việc, ông Quỳnh đã liên hệ với ông Thọ nhận lại hồ sơ, còn số tiền 8.000.000đ đến nay V chưa trả. Ngày 09/5/2021, ông Lò Văn Q có đơn trình báo tại Công an huyện Mộc Châu.

Vụ thứ 16: Chiếm đoạt của anh Mai Đức T, trú tại tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 40.000.000đ.

Tháng 10/2020, anh Mai Đức T nhờ Nguyễn Quốc V làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất của gia đình tại tiểu khu Bệnh Viện, thị trấn NTMC, V đồng ý và yêu cầu anh Trịnh đưa 45.000.000đ, hạn 01 tháng sẽ làm xong, anh Trịnh đưa cho V 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mai Xuân Dục cùng 45.000.000đ. Sau khi nhận tiền, V không thực hiện việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất mà đưa tiền cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Ngày 09/11/2020, anh Trịnh yêu cầu V trả lại giấy tờ và tiền, V đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trịnh nhưng không có tiền trả nên viết giấy biên nhận hạn đến ngày 15/12/2020 sẽ trả tiền cho anh Trịnh. Ngày 18/01/2021, V trả anh Trịnh 5.000.000đ, số tiền còn lại 40.000.000đ đến nay V chưa trả. Ngày 18/01/2021, anh Mai Đức T có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 17: Chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành L, trú tại tiểu khu 34, xã Đông Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 109.000.000đ.

Ngày 21/7/2020, Nguyễn Quốc V hỏi vay anh Nguyễn Thành L 120.000.000đ, nói dối là đang cần tiền để nộp thuế đất cho khách nhờ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hạn sau một tuần sẽ trả đủ. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng, anh Luân đã cho V vay 120.000.000đ. Sau khi vay được tiền, V đưa cho Nguyễn Thị T trả nợ, chi tiêu. Đến hạn, do V không trả tiền nên anh Luân yêu cầu V phải có tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền đã vay nên V đã đưa cho anh Luân 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Thúy (V đã nhận của anh Hoàng Đình T), đồng thời viết giấy vay tiền hạn đến ngày 29/11/2020 sẽ trả tiền và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, V đã 03 lần trả tiền cho anh Luân được tổng số 11.000.000 đồng, số tiền 109.000.000 đồng còn lại đến nay V chưa trả. Ngày 25/01/2021, anh Nguyễn Thành L có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Vụ thứ 18: Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thu H, trú tại tiểu khu 11, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 230.000.000đ.

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 24/9/2020, Nguyễn Thị T đến nhà chị Nguyễn Thu H hỏi vay 290.000.000 đồng, nói dối là để trả nợ ngân hàng lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình T đang thế chấp ra để bán đất, hứa sẽ trả

tiền luôn vào 17h00 cùng ngày, chị Hương đồng ý cho vay, không yêu cầu thế chấp nhưng yêu cầu phải có người nhà tham gia cùng để chịu trách nhiệm, T gọi điện cho V, sau đó V đến nhận tiền rồi đưa toàn bộ số tiền 290.000.000 đồng cho T dùng vào việc trả nợ, chi tiêu. Đầu năm 2021, T trả Hương 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 230.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngày 29/9/2021, chị Nguyễn Thu H có đơn trình báo tại Công an tỉnh Sơn La.

Vụ thứ 19: Chiếm đoạt của chị Vì Thị H, trú tại Bản Búa, xã Đông Sang, huyện MC, tỉnh Sơn La số tiền 365.000.000đ.

Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 24/7/2020 đến ngày 02/8/2020, chị Vì Thị H đã 04 lần cho Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V vay tiền với tổng số 460.000.000đ.

Lần thứ nhất: Ngày 24/7/2020, T nói dối cần tiền mua đất nên đã vay của chị Hảo 90.000.000đ và viết giấy vay tiền.

Lần thứ 2: Ngày 27/7/2020, T tiếp tục lấy lý do mua đất hỏi vay chị Hảo 120.000.000đ, chị Hảo yêu cầu phải có người nhà của T tham gia vay cùng để gánh trách nhiệm trả nợ, T bảo V đến nhà chị Hảo viết giấy vay tiền. Sau khi nhận 120.000.000đ từ Hảo, V đưa lại cho Nguyễn Thị T để trả nợ, chi tiêu.

Lần thứ 3: Ngày 30/7/2020, T tiếp tục hỏi vay chị Hảo 90.000.000đ, chị Hảo đưa tiền cho T vay và yêu cầu Thủy viết giấy vay tiền, đồng thời yêu cầu T phải có tài sản hoặc giấy tờ có giá trị thế chấp cho các khoản vay trên.

Để có tài sản thế chấp cho các khoản vay trên và tiếp tục vay tiền của Hảo, T đã bàn với V làm giả việc chuyển quyền sử dụng đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mai Thị L, Trịnh Văn Toàn (V đã nhận của bà Mai Thị L trước đó) sang tên Nguyễn Thị T để mang thế chấp cho chị Hảo, V đồng ý.

Cùng ngày 30/7/2020 V đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Mai Thị L đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện MC (nơi V đang làm việc). Do ngoài giờ làm việc nên tại Chi nhánh không có ai, V lấy trong tủ cá nhân 01 phôi “*trang bổ sung giấy chứng nhận*” và sử dụng máy tính xách tay cá nhân, đánh trên phần mềm Excell nội dung “*chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T, CMND 051022778, địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Theo hồ sơ số 03982. Chuyển nhượng: 3134*” và tại mục cơ quan có thẩm quyền xác nhận là tháng 8/2020. Sau đó, V đưa trang bổ sung giấy chứng nhận (loại khổ giấy A5) vào máy in của cơ quan, in xong, V đem về cho Nguyễn Thị T kiểm tra, T nói nên đánh lại thời gian thể hiện đã mua mảnh đất này phải trước khi vay tiền của chị Vì Thị H, V xé bỏ trang bổ sung giấy chứng nhận trên đi.

Ngày 01/8/2020, ngoài giờ làm việc V lên cơ quan, tiếp tục làm các bước như đã thực hiện trước đó và đổi mục thời gian cơ quan có thẩm quyền xác nhận thành ngày 02/12/2018. Sau khi in xong, V ngồi ở bàn làm việc tại cơ quan, tập ký chữ ký Hà Thế Long (Quyền giám đốc của Chi nhánh). Sau khi ký xong, V cầm trang bổ sung giấy chứng nhận sang phòng anh Cứ A Sáng là kế toán và là người quản lý con dấu của Chi nhánh, lúc này Sáng không có ở phòng. V lấy dấu đề chức vụ “Q. GIÁM ĐỐC”, loại dấu tròn có dòng chữ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện MC và dấu tên Hà Thế Long đóng dấu vào trang bổ sung giấy chứng nhận rồi mang về nhà. Sau đó, V dùng kẹp để ghim trang bổ sung giấy chứng nhận vào phía mặt sau Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mai Thị L, Trịnh Văn Toàn rồi đưa toàn bộ giấy tờ đó cho Nguyễn Thị T. Ngày 02/8/2020, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mai Thị L, Trịnh Văn Toàn (đã ghim trang bổ sung giấy chứng nhận) đến đưa cho chị Vì Thị H kiểm tra và giữ rồi tiếp tục vay thêm 160.000.000đ.

Toàn bộ số tiền qua 04 lần vay là 460.000.000đ, Nguyễn Thị T dùng trả nợ, chi tiêu. Đến tháng 12/2020, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V đã trả cho chị Vì Thị H được tổng số 95.000.000đ. Ngày 08/01/2021, chị Vì Thị H có đơn trình báo tại Công an huyện MC.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, tháng 10/2020, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc Viết về Hà Nội thuê ngôi nhà của anh Nguyễn Bá Nam, tại số nhà 16 ngách 8/76 phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, cầu Giấy, Hà Nội để sinh hoạt và kinh doanh bánh cuốn.

Ngày 07/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MC ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 01/LKX-ĐTTH, khám xét chỗ ở đối với Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V tại số nhà 16 ngách 8/76 phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, đồng thời ra Quyết định ủy thác số 194/QĐ-ĐTTH, ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội thi hành Lệnh khám xét trên. Kết quả khám xét không thu giữ được đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội của T, V.

Tổng số tiền các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường là 1.579.100.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), trong đó: Bà Mai Thị L 48.000.000đ; anh Nguyễn Nhật C 13.000.000đ; bà Đào Thị Thanh H 315.000.000đ; ông Đinh Công V 38.000.000đ; bà Hà Thị T 23.100.000đ; chị Nguyễn Thị T 30.000.000đ; ông Nguyễn Văn H 40.000.000đ; chị Vũ Thị S 10.000.000đ; bà Vũ Thị N 19.500.000đ; ông Phạm Văn T 200.000.000đ; anh Hoàng Đình T 30.000.000đ; bà Nguyễn Thị L 7.500.000đ; ông Đinh Văn H 25.000.000đ; anh Lưu Ngọc K 28.000.000đ; ông Lò Văn Q 8.000.000đ; anh Mai Đức T 40.000.000đ; anh Nguyễn Thành L 109.000.000đ; chị Nguyễn Thu H 230.000.000đ; chị Vì Thị H 365.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị V và bà Nguyễn Thị H): Do ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị V cùng mua đất của bà Nguyễn Thị H, nên bà Vân và bà Hoàn ủy quyền cho ông Huỳnh thực hiện giao dịch với Nguyễn Quốc V làm thủ tục tách bìa cho cả phần đất của gia đình bà Hoàn cùng phần đất của ông Huỳnh, bà Vân với số tiền 40.000.000đ (trong đó: phần của bà Hoàn là 20.000.000đ, ông Huỳnh và bà Vân mỗi người 10.000.000đ), bà Vân và bà Hoàn không trực tiếp đưa tiền cho V mà đưa tiền cho ông Huỳnh thực hiện giao dịch, nên không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Đối với các giấy tờ, tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bị cáo Nguyễn Quốc V đã nhận của bị hại để làm thủ tục đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và giao trả cho các bị hại, các giấy tờ tài liệu khác là chứng cứ đã được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số: 157/CT -VKS-P3 ngày 29 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Quốc V về các tội

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Quốc V đều nhất trí với cáo trạng truy tố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu, các bị cáo không khai báo bổ sung thêm nội dung nào khác.

- Bị hại:

+ Bà Đào Thị Thanh H: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

+ Bà Hà Thị T: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 23.100.000đ (Hai mươi ba triệu một trăm đồng).

+ Chị Vũ Thị S: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Bà Vũ Thị N: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Ông Phạm Văn T: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

+ Chị Vì Thị H: Yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Phản tranh luận

- Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh Điều luật áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 đến 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 15 đến 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải chấp hành hình phạt chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Quốc V.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho 19 bị hại với tổng số tiền 1.579.100.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng). Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

- Quan điểm của luật sư Nguyễn Bá Linh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: Luật sư nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo. Luật sư đề nghị xem xét các tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố mẹ đẻ, ông bà được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bằng có công với nước, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T mức hình phạt từ 14 đến 15 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 02 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

- Quan điểm của luật sư Trần Bích Liên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc V: Luật sư cũng nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo V. Bị cáo Nguyễn Quốc V có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông bà được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bằng có công với nước, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V mức hình phạt từ 13 đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 02 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Quốc V.

- Các bị cáo đều nhất trí với ý kiến bào chữa của Luật sư và không có ý kiến tranh luận thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Hà Thị T, Phạm Văn T, Vĩ Thị H nhất trí với luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên; bị hại Đào Thị Thanh H, Vũ Thị S và Vũ Thị N đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Quốc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra của Công an huyện MC, Công an tỉnh Sơn La và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Mai Thị L, Nguyễn Nhật C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Đinh Văn H, Lò Văn Q, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thu H, Đinh

Công V, Hoàng Đình T, Lưu Ngọc K, Mai Đức T, Phạm Thị V, Nguyễn Thị H. Xét thấy, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu và lấy lời khai của những người này lưu trong hồ sơ vụ án, lời khai và nội dung đơn xin xét xử vắng mặt cũng đã nêu rõ ý kiến đề nghị của họ về việc xử lý các bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại, việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên không trở ngại cho việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra là đồng nhất, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, đã thể hiện:

Do làm ăn thua lỗ, nợ nhiều người và không còn tài sản, không còn khả năng trả nợ nên từ cuối năm 2018 Nguyễn Thị T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác để trả nợ, chi tiêu. T đã thống nhất với con trai là Nguyễn Quốc V, lợi dụng việc V đang làm việc tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (nhưng V không được giao nhiệm vụ, không có khả năng làm các thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất) để đưa ra thông tin giả dối là V có khả năng làm thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm tạo lòng tin với những có nhu cầu, yêu cầu họ đưa tiền để làm thủ tục đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc hỏi vay tiền của người khác để làm thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó sử dụng số tiền đã nhận và vay để trả nợ chi tiêu.

Ngoài ra, theo sự xúi giục của Nguyễn Thị T, ngày 01/8/2021, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MC, Nguyễn Quốc V đã tự đánh máy và in ấn “*trang bổ sung giấy chứng nhận*” với nội dung “*chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T, CMND 051022778, địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Theo hồ sơ số 03982. Chuyển nhượng: 3134, đề ngày 02/12/2018*” và giả mạo chữ ký ông Hà Thế Long (Quyền Giám đốc) nhằm tạo ra 01 trang bổ sung giấy chứng nhận giả (được ghim kèm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang trên Trịnh Văn Toàn, Mai Thị Lý). Sau đó, Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V dùng giấy tờ giả đó để làm tài sản thế chấp vay số tiền 160.000.000đ của bị hại Vì Thị H.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến tháng 9/2020, các bị cáo đã vay tiền của 04 người và nhận tiền của 15 người để làm thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó chiếm đoạt tổng số tiền là 1.579.100.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo của các bị hại về việc các bị cáo hứa hẹn có thể làm các thủ tục liên quan đến việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc vay tiền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho khách, nên các bị hại đã đưa tiền cho các bị cáo, nhưng sau đó các bị cáo đã không giúp được như đã hứa, các bị hại đã đòi nhiều lần nhưng bị cáo không hoàn trả số tiền đã nhận;

- Các tài liệu, chứng cứ về việc trao đổi, giao nhận tiền giữa các bị cáo và bị hại như: Giấy vay tiền, giấy cam đoan thu thập được trong quá trình điều tra;

- Kết luận giám định số 1720 ngày 01/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận về chữ viết, chữ ký của Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị T trên các tài liệu thu thập được là chữ viết, chữ ký của các bị cáo như: “*Giấy vay tiền; giấy chuyển nhượng đất giữa bị cáo Nguyễn Thị T với bị hại Vì Thị H*”.

- Kết luận giám định số 769 ngày 13/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Chữ ký mang tên Hà Thế Long dưới mục Q.GIÁM ĐỐC tại Trang bổ sung giấy chứng nhận...”, do Nguyễn Quốc V và Nguyễn T đã làm giả.

- Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và các chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được, lưu trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Quốc V đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 1.579.100.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) của 19 bị hại, đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt số tiền có giá trị từ 500.000.000đ trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân; hành vi làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để làm tài sản thế chấp vay số tiền 160.000.000đ sau đó chiếm đoạt của các bị cáo, đã phạm tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ hai năm đến năm năm.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo đều là người có trình độ học vấn, nhận thức rõ về hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân mà không bỏ công sức lao động chính đáng nên đã đưa ra những thông tin không có thật và làm và sử dụng tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác. Số tiền các bị cáo chiếm đoạt lớn, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây dư luận xấu tại địa phương mà còn ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cán bộ và cơ quan Nhà nước.

Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Thị T là người khởi xướng, xúi giục bị cáo V thực hiện tội phạm cũng là người thực hành; bị cáo Nguyễn Quốc V sau khi tiếp nhận ý chí của bị cáo T, đã thực hành tội phạm tích cực. Do đó, đánh giá tính chất, mức độ tham gia tội phạm của hai bị cáo là ngang nhau.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của 19 bị hại, trong đó người thấp nhất là 7.500.000đ và người cao nhất là 365.000.000đ, đã phạm vào tình tiết “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có bố mẹ đẻ, ông bà nội ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba, bằng có công với nước, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo hiện không có tài sản không có điều kiện để thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ kết quả điều tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định các bị cáo đã cùng nhau chiếm đoạt của 19 bị hại tổng số tiền 1.579.100.000đ. Sau khi bị tố giác, các bị cáo chưa trả tiền để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Người bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ pháp luật, nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 1.579.100.000đ trong đó:

Bà Mai Thị L: số tiền 48.000.000đ; anh Nguyễn Nhật C: số tiền 13.000.000đ; bà Đào Thị Thanh H: số tiền 315.000.000đ; ông Đinh Công V: số tiền 38.000.000đ; bà Hà Thị T: số tiền 23.100.000đ; chị Nguyễn Thị T: số tiền 30.000.000đ; ông Nguyễn Văn H: số tiền 40.000.000đ; chị Vũ Thị S: số tiền 10.000.000đ; bà Vũ Thị N: số tiền 19.500.000đ; ông Phạm Văn T: số tiền 200.000.000đ; anh Hoàng Đình T: số tiền 30.000.000đ; bà Nguyễn Thị L: số tiền 7.500.000đ; ông Đinh Văn H: số tiền 25.000.000đ; anh Lưu Ngọc K: số tiền 28.000.000đ; ông Lò Văn Q: số tiền 8.000.000đ; anh Mai Đức T: số tiền 40.000.000đ; anh Nguyễn Thành L: số tiền 109.000.000đ; chị Nguyễn Thu H: số tiền 230.000.000đ; chị Vì Thị H: số tiền 365.000.000đ.

Các bị cáo đều khai nhận số tiền đã chiếm đoạt các bị cáo sử dụng để trả nợ và chi tiêu chung, nên các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau và mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 789.550.000đ (Bảy trăm tám mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), đồng thời các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ liên đới bồi thường cho các bị hại theo quy định tại Điều 288 và Điều 587 Bộ luật dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V và bà Nguyễn Thị H: Do bà Vân và bà Hoàn ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H thực hiện giao dịch với Nguyễn Quốc V làm thủ tục tách thửa đất, trong đó bà Hoàn góp 20.000.000đ, ông Huỳnh và bà Vân mỗi người 10.000.000đ, số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của những người được quyết định bồi thường cho ông Nguyễn Văn H và ông Huỳnh sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền cho bà Vân và bà Hoàn theo thỏa thuận, trường hợp xảy ra tranh chấp bà Phạm Thị V và bà Nguyễn Thị H được khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: Đối với các giấy tờ, tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bị cáo Nguyễn Quốc V đã nhận của bị hại để làm thủ tục đăng ký, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và đã giao trả cho các bị hại, các giấy tờ tài liệu khác là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án, nên không xem xét xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Quốc V, phạm các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 16 (mười sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu hình phạt chung là (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 16 (mười sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 02 (hai) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Quốc V phải chịu hình phạt chung là (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2021;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Quốc V, liên đới bồi thường số tiền là 1.579.100.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) cho 19 bị hại, cụ thể:

- Bà Mai Thị L: số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng), bị cáo

Nguyễn Quốc V phải bồi thường 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng).

- Anh Nguyễn Nhật C: số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Đào Thị Thanh H: số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 157.500.000đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 157.500.000đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Đinh Công V: số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

- Bà Hà Thị T: số tiền 23.100.000đ (Hai mươi ba triệu một trăm đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị T: số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Văn H: số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Chị Vũ Thị S: số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 5.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Bà Vũ Thị N: số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Phạm Văn T: số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

- Anh Hoàng Đình T: số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị L: số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Đinh Văn H: số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

-Anh Lưu Ngọc K: số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Ông Lò Văn Q: số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

-Anh Mai Đức T: số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

-Anh Nguyễn Thành L: số tiền 109.000.000đ (Một trăm linh chín triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 54.500.000đ (Năm tư triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 54.500.000đ (Năm tư triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thu H: số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

-Chị Vĩ Thị H: số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Trong đó bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường 182.500.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Quốc V phải bồi thường 182.500.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Quốc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 29.686.500đ (Hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 -Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đình Huy Hiệp